

Bản án số: 01 /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 11-4-2019

V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN YÊN - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hà Thị Thu;

2. Ông Nguyễn Trung Bang;

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Xuân Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2019, tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2018/TLST-HNGĐ ngày 10-12-2018 về Tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22-3-2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Phạm Văn L** - Sinh năm 19...

Nơi cư trú: Thôn HM, xã HTT, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh – Vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Chị **Chu Thị T** - Sinh năm 19...

Nơi cư trú: Thôn HG, xã ĐN, huyện T, tỉnh Quảng Ninh – Vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn – anh Phạm Văn L trình bày:

Năm 2014, anh quen biết và có quan hệ tình cảm với chị Chu Thị T, hai người có thời gian chung sống như vợ chồng và có tổ chức đám cưới theo nghi thức truyền thống tại xã ĐN, huyện T, nhưng không đăng ký kết hôn, vì khi đó anh L đã có vợ tên là Bùi Thị H hiện cư trú tại thôn HM, xã HTT, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

Anh L nhận thấy rằng việc anh chung sống như vợ chồng với chị Chu Thị T là vi phạm pháp luật về Hôn nhân và gia đình, thực tế giữa anh và chị T không tồn tại

quan hệ hôn nhân. Vì vậy, anh Phạm Văn L yêu cầu tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ giữa anh và chị Chu Thị T là vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian sống chung, anh và chị Chu Thị T sinh được 01 con chung là Phạm Minh D, sinh ngày 26/8/2015. Anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Minh D đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, nên anh không đề nghị giải quyết.

Bị đơn – chị Chu Thị T trong quá trình giải quyết vụ án khai: Chị quen biết anh Phạm Văn L năm 2015, hai người có quan hệ tình cảm và có tổ chức lễ cưới theo truyền thống nhưng không đăng ký kết hôn, do anh L đã có vợ. Chị thừa nhận giữa chị và anh L không phải là vợ chồng, nếu anh L yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị và anh L không phải là vợ chồng thì chị nhất trí.

Về con chung: Chị và anh Phạm Văn L sinh được 01 con chung là Phạm Minh D - sinh ngày 26/8/2015. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Minh D đến khi thành niên và yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

Về tài sản chung: Không có.

Tại phiên hòa giải về trách nhiệm nuôi con chung, Bị đơn - chị Chu Thị T đề nghị được trực tiếp nuôi con chung Phạm Minh D đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng), thời điểm cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật; Nguyên đơn - anh Phạm Văn L có ý kiến đề nghị được trực tiếp nuôi con đến khi thành niên và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con. Nếu Tòa án quyết định cho chị T được trực tiếp nuôi con thì anh nhất trí cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng), cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), thời điểm cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật;

Tại phiên tòa, anh Phạm Văn L có đơn xin vắng mặt, anh giữ nguyên yêu cầu như đã nêu trong đơn khởi kiện. Nếu anh không được trực tiếp nuôi con, thì anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung Phạm Minh D đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi), mỗi tháng 2.000.000đ, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Chị Chu Thị T có đơn xin vắng mặt, chị vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày tại phiên hòa giải, đề nghị được trực tiếp nuôi con chung và đồng ý để anh L cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ, thời điểm cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa có quan điểm cho rằng: Về tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Tiên Yên đã thụ lý và giải quyết vụ án theo đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo luật định; Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thu thập chứng cứ theo đúng trình tự và thủ tục; Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự; Các đương sự đã chấp hành đúng nghĩa

vụ của mình trong quá trình tố tụng và đều có đơn xin xử vắng mặt tại phiên tòa. Về nội dung: Anh Phạm Văn L chung sống như vợ chồng với chị Chu Thị T, không có đăng ký kết hôn nhưng có làm lễ cưới theo nghi thức truyền thống. Tuy nhiên anh L đã có vợ, tức anh L và chị T vi phạm quy định về điều kiện kết hôn, không đăng ký kết hôn. Vì vậy đề nghị Tòa án áp dụng khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình; Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Phạm Văn L và chị Chu Thị T. Về con chung; Giao cháu Phạm Minh D cho chị Chu Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc anh Phạm Văn L phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung Phạm Minh D mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng), cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), thời điểm cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng dân sự: Quan hệ tranh chấp giữa anh Phạm Văn L và chị Chu Thị T là Tranh chấp về yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng và tranh chấp về nuôi con của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn, căn cứ Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh.

Anh Phạm Văn L và chị Chu Thị T vắng mặt tại phiên tòa và đều có đơn xin xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L và chị T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn L và chị Chu Thị T chung sống với nhau như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn, mặc dù có tổ chức lễ cưới theo truyền thống nhưng anh L đã có vợ, tức anh L đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp khác. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 8; khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình, việc anh L và chị T chung sống như vợ chồng là vi phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng, không đăng ký kết hôn nên không phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về việc tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Phạm Văn L và chị Chu Thị T.

[3] Về trách nhiệm nuôi con chung:

Anh Phạm Văn L và chị Chu Thị T sinh được 01 con chung là Phạm Minh D – sinh ngày 26/8/2015.

Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”.

Mặc dù cả anh L và chị T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung. Tuy nhiên cháu Phạm Minh D còn nhỏ, anh L đã kết hôn và có gia đình riêng, chị T hiện nay có nghề nghiệp, có thu nhập và chưa kết hôn, do đó cần giao cháu Phạm Minh D cho chị Chu Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xử vắng mặt, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con, mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tại đơn xin xử vắng mặt, anh L có ý kiến đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung Phạm Minh D đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi), mỗi tháng 2.000.000đ, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy mặc dù các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều thể hiện ý chí bằng văn bản thống nhất về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung, thỏa thuận này không trái pháp luật và đạo đức xã hội, cần ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự khai không có, nên không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 8; khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; các Điều 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 35; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Phạm Văn L và chị Chu Thị T.

2. Về trách nhiệm nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con:

- Giao cháu Phạm Minh D – sinh ngày 26/8/2015 cho chị Chu Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

- Anh Phạm Văn L phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung Phạm Minh D 2.000.000đ/tháng (Hai triệu đồng/tháng), thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Phạm Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Anh Phạm Văn L phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) và án phí cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0008095 ngày 10-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh; Anh L còn phải nộp tiếp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Án xử sơ thẩm công khai, vắng mặt Nguyên đơn và Bị đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các Đương sự (*Để thi hành*)
- THADS huyện Tiên Yên;
- VKSND huyện Tiên Yên;
- TA tỉnh Q/N (*để báo cáo*);
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Bùi Đức Tuấn